

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2023/HS-ST
Ngày: 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Khiêm

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2023/TLST-HS ngày 03/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐ-ST ngày 15-12-2023, đối với bị cáo:

Đinh Thị L - Sinh ngày 1992; Giới tính: Nữ

ĐKKHKT: Xóm C - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số A Tổ dân phố số B - TT Y - huyện H - tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Đinh Ngọc K, sinh năm 1971; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971

Chồng: Đặng Văn T1 (đã li hôn), sinh năm 1989; Có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2023

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị L theo Điều 76 BLTTHS:**

Luật sư Phạm Thị N - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N.

*** Bị hại:**

1. Chị Trần Thị Mỹ A, sinh năm 2003,

Nơi thường trú: Thôn T - xã N - huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Chị Phạm Thị Việt V, sinh ngày 03/8/1969; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 8 - Mỹ Đình 2 - Nam Từ Liêm - TP Hà Nội

2. Anh Phạm Quang T2, sinh năm 1998,

Nơi thường trú: Xóm T - xã D - huyện D - tỉnh Nghệ An.

3. Anh Hồ Văn D và chị Đồng Thị T3, đều sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Xóm T - xã D - huyện D - tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Anh Hồ Ngọc B, sinh ngày 12/4/1974; Nơi thường trú: Xóm T - xã D - huyện D - tỉnh Nghệ An.

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: Thôn T - xã Y - huyện C - tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Ông Trần Hữu C1, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Thôn T - xã Y - huyện C - tỉnh Nghệ An.

5. Anh Nguyễn Kim N1, sinh năm 1990,

Nơi thường trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Chị Lê Thị T4, sinh năm 1966; Nơi thường trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị Đặng Thị L1, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: Thôn P - xã S - huyện B - tỉnh Quảng Bình.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Anh Đỗ Thanh H, sinh năm 1992; Nơi thường trú: Thôn P - xã S - huyện B - tỉnh Quảng Bình.

7. Chị Hà Thị N2, sinh năm 1998 và anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1993,

Đều thường trú tại: Thôn B - xã N - huyện N - tỉnh Thanh Hóa.

8. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1998,

Nơi thường trú: K thị trấn Q - huyện N - tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Anh Hoàng Khắc T5, sinh năm 1969; Nơi thường trú: K thị trấn Q - huyện N - tỉnh Nghệ An.

9. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1994,

Nơi thường trú: Xóm T - xã N - huyện N - tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Anh Trần Văn H3, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Xóm T - xã N - huyện N - tỉnh Nghệ An.

10. Chị Đinh Thị D1, sinh năm 2000,

Nơi thường trú: Xóm G - thôn L - xã S - huyện S - tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm:* Chị Đinh Thị D2, sinh năm 2001, Nơi thường trú: Thôn L - xã S - huyện S - tỉnh Quảng Ngãi.

11. Chị Ngô Thị L2, sinh năm 1982;

Nơi thường trú: Xóm B - xã N - huyện N - tỉnh Thanh Hóa.

[Tại phiên toà sơ thẩm:

Có mặt: bị cáo Đinh Thị L; bị hại Phạm Quang T2, Đỗ Văn Đ, Ngô Thị L2; những người đại diện theo uỷ quyền Phạm Thị Việt V, Hồ Ngọc B, Lê Thị T4, Đỗ Thanh H, Hoàng Khắc T5, Trần Văn H3, Đinh Thị D2;

Vắng mặt: các bị hại Trần Thị Mỹ A, Hồ Văn D, Đồng Thị T3, Nguyễn Thị C, Nguyễn Kim N1, Đặng Thị L1, Hà Thị N2, Trần Thị H1, Trần Thị H2, Đinh Thị D1].

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2021, Đinh Thị L làm cộng tác viên cho Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc công ty TNHH H5 thuộc tập đoàn N3 (địa chỉ tại số B ngõ F đường N - phường C - quận N - TP Hà Nội). Việc cộng tác với công ty không có hợp đồng lao động hay văn bản thỏa thuận nào. L không có chức năng tiếp nhận hồ sơ, tiền làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, mỗi khi tìm được khách hàng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động thành công L được hưởng tiền hoa hồng là 200 USD/01 người (hoặc 4.000.000đ/01 người) do người lao động trả. Khoảng đầu năm 2022 do đầu tư vào chứng khoán bị thua lỗ nên L đã nảy sinh ý định gian dối lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để lấy tiền chơi chứng khoán. Từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022 L lấy danh nghĩa là nhân viên của công ty TNHH H5 để đăng các thông tin tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan trên mạng xã hội của L như: Zalo (tài khoản “Thanh Liên” và F (tài khoản là “Đinh Liên”).

L đăng thông tin tuyển người đi làm việc trong các công ty tại Đài Loan và tư vấn cho những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động (*L cung cấp hai số điện thoại của L để những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động liên lạc là 0978.023.757; 0968.600.211*). Qua thông báo của L trên mạng xã hội, có 14 người đã liên lạc với L đặt vấn đề được hỗ trợ làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đinh Thị L

đã hứa hẹn giúp làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đã yêu cầu người lao động chuyển tiền làm thủ tục đi xuất khẩu lao động vào tài khoản của L theo hai số tài khoản là 0978 023 757 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (M) và số 0903 47444 54010 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K1 (T6). Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022, L đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 13 người cụ thể:

1. Chị Trần Thị Mỹ A, sinh năm 2003, trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Cuối tháng 7/2022, chị Trần Thị Mỹ A liên hệ với Đinh Thị L nhờ làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. L nói chị Mỹ A chi phí đi xuất khẩu lao động là 6.000 USD, yêu cầu đặt cọc trước 50.000.000đ để giữ đơn. Chị Mỹ A đồng ý, ngày 22/7/2022 đã nhờ chị gái là Trần Thị Bích P (sinh năm 1999, trú tại N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L 50.000.000đ để đặt cọc. Sau đó L lại yêu cầu chị Mỹ A chuyển tiếp 91.000.000đ để làm Visa, cuối tháng 8/2022 sẽ đi Đài Loan, trong ngày 22/7/2022, chị Mỹ A nhờ chị P chuyển số tiền 91 triệu đồng vào số tài khoản ngân hàng cho L. Đến ngày 02/8/2022 L yêu cầu chị Mỹ A chuyển số tiền 2.000.000đ cho L để khám sức khỏe. Chị Mỹ A đã chuyển 2.000.000đ vào tài khoản của L theo yêu cầu. Tổng số tiền mà chị Trần Thị Mỹ A đã chuyển cho Đinh Thị L là 143.000.000đ (*một trăm bốn mươi ba triệu đồng*). Đến giữa tháng 8/2023 chị Trần Thị Mỹ A được người thân sống ở tỉnh Nam Định thông báo cho biết việc Đinh Thị L lừa đảo chiếm đoạt tiền của người đi xuất khẩu lao động nên đã liên lạc với L nhưng không được, chị Mỹ A đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trình báo. Ngày 08/9/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển nguồn tin về tội phạm của chị Mỹ A đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Anh Phạm Quang T2, sinh năm 1992 trú tại: xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Đầu tháng 8/2022, do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh Phạm Quang T2 đã liên hệ với Đinh Thị L, được L cho biết chi phí đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan là 5.900USD, được quy đổi sang tiền Việt Nam là 146.000.000đ (*một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*). Ngày 02/8/2022, L gọi điện thoại cho anh T2 nói nếu muốn đi Đài Loan sớm thì trong ngày 02/8/2022, phải đóng tiền trước cho L là 30.000.000đ. Anh T2 đã nhờ người nhà là chị Đồng Thị T3 (sinh năm 1995, trú tại: xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) chuyển 30.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L theo yêu cầu. Sau đó L lại gọi điện thoại nói với anh T2 là trong ngày 03/8/2022 phải chuyển cho Đinh Thị L 116.000.000đ, nếu không thì phải sang tháng 9/2022 mới được đi sang Đài Loan. Trong ngày 03/8/2022

anh T2 đã ba lần nhờ chị Đồng Thị T3 chuyển đủ số tiền 116.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của L theo yêu cầu. Sau khi nhận đủ tiền, L đã viết cam kết với anh T2: “nếu từ ngày 15 đến ngày 20/8/2022 cá nhân L đã nhận của anh T2 146.000.000đ, anh T2 không đóng được Visa thì L sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền mà anh T2 đã nộp”. Tổng số tiền anh T2 đã chuyển cho L là 146.000.000đ (*một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*). Ngày 12/8/2022, anh T2 vào mạng internet thì thấy L đã xóa tài khoản và chặn tìm kiếm nên đã gọi điện thoại cho L nhưng không được, biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

3. Anh Hồ Văn D và vợ là Đồng Thị T3, đều sinh năm 1995, trú tại xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Ngày 22/7/2022, anh Hồ Văn D và vợ là Đồng Thị T3, liên hệ với Đinh Thị L qua điện thoại đặt vấn đề nhờ L làm giúp thủ tục đưa vợ chồng anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. L nói chi phí cho một người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan là 5.900USD, được quy đổi sang tiền Việt Nam là 146.000.000đ (*một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*). L yêu cầu vợ chồng anh D là phải nộp hết tiền cho L để làm thủ tục vì có đơn hàng đi Đài Loan gấp. L cam kết là anh D sẽ được xuất cảnh trước ngày 15/8/2022 và chị T3 sẽ được xuất cảnh trước ngày 30/8/2022. Vợ chồng anh D đã đề nghị L cho chị T3 được nộp trước 130.000.000đ và anh D nộp trước 120.000.000đ, số tiền còn lại của chị T3 là 16.000.000đ và anh D là 26.000.000đ thì vợ chồng anh D sẽ nộp cho L khi gặp trực tiếp L để lấy giấy tờ và visa. L đồng ý và cam kết nếu không đưa được vợ chồng anh D đi Đài Loan thì sẽ hoàn trả lại tiền. Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 5/8/2022, chị T3 đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L với tổng số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 12/8/2022 thấy số điện thoại của L và các tài khoản Zalo, facebook của L đã chặn hết liên lạc, biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên vợ chồng anh D đến thành phố Hà Nội tìm L nhưng không được nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 2002, trú tại: thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Đầu tháng 4/2022, chị Nguyễn Thị C đã liên hệ với Đinh Thị L hỏi về việc đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, L hẹn gặp và chị C đã đến Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc Công ty TNHH H5, có địa chỉ tại Tòa nhà N, số B, ngõ F đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. L hướng dẫn cho chị C đi nộp tiền cho công ty H5 để học tiếng Trung Quốc và khám sức khỏe, sau đó chị C về nhà học trực tuyến. Ngày 07/8/2022 L nhắn tin cho chị C là có đơn hàng bay gấp, chị C muốn đi thì chuyển cho L 50.000.000đ để làm thủ tục, đến ngày 14/8/2022 sẽ ký hợp đồng, ngày 15/8/2022 làm hộ chiếu và

ngày 25/8/2022 sẽ bay sang Đài Loan làm việc tại công ty Đ1 Tuyền ở Đ. Ngày 08/8/2022, chị C đã chuyển 50.000.000đ cho L vào số tài khoản 0978 023 757 mở tại ngân hàng cổ phần Q. Ngày 12/8/2022 L nhắn tin yêu cầu chị C chuyển thêm tiền cho L nhưng chị C không yên tâm nên đã yêu cầu L huỷ đơn và hoàn trả lại tiền. L hẹn chị C sau một tuần sẽ trả lại tiền. Đến tối 12/8/2022 chị C được chị Đồng Thị T3 cho biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

5. Anh Nguyễn Kim N1, sinh năm 1990, trú tại: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Do có nhu cầu đi lao động tại Đài Loan nên vào đầu tháng 7/2022 anh Nguyễn Kim N1 đã vào mạng internet tìm hiểu và đã tìm thấy thông tin về Đinh Thị L cùng số điện thoại 0968 600 211 để liên hệ. Anh N1 đã gọi điện cho L nói nhu cầu muốn đi xuất khẩu lao động, L hướng dẫn đến trụ sở Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc Công ty TNHH H5, có địa chỉ tại Tòa nhà N, số B, ngõ F đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. Ngày 14/7/2022 anh N1 đã đến tòa nhà N gặp gặp L, L hướng dẫn anh N1 đi nộp tiền cho công ty H5 để nhập học tiếng Trung Quốc. Ngày 17/7/2022 Liên thông báo cho anh N1 biết là có đơn hàng bay gấp sang Đài Loan vào cuối tháng 8/2022. Ngày 04/8/2022 sẽ ký hợp đồng, ngày 05/8/2022 làm visa. L bảo anh N1 nộp cho Liên 142.000.000đ, ngày 15/8/2022 sẽ làm thủ tục bay đi Đài Loan. Anh N1 đã về nhà nói với mẹ là bà Lê Thị T4 (sinh năm 1970, trú ở thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa). Trong khoảng thời gian, từ ngày 18/7/2022 đến ngày 26/7/2022 bà Lê Thị T4 đã 4 lần gửi tổng số tiền 142.000.000đ (*một trăm bốn mươi hai triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L, sau đó, anh N1 đã nhiều lần yêu cầu L in hoá đơn cho anh N1 nhưng L đều xin khát, anh N1 không liên lạc được với L nên đến trụ sở Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc Công ty TNHH H5 để hỏi thì không thấy tên của mình trong đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cuối tháng 8/2022, anh N1 biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến công an huyện H, tỉnh Nam Định để trình báo.

6. Chị Đặng Thị L1, sinh năm 2002, trú tại: thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên ngày 22/7/2022 chị Đặng Thị L1, đến trụ sở Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc Công ty TNHH H5 có địa chỉ tại Tòa nhà N, số B, ngõ F đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội làm thủ tục nhập học tiếng Trung Quốc. Chị L1 học ở đây được hơn một tuần nhưng vẫn không thấy đơn hàng

đi Đài Loan. Chị L1 đã được chị Đinh Thị D1 (sinh năm 2000, trú tại: thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) đang cùng học khoá tiếng Trung Quốc cùng chị L1 cho biết là đang nhờ L giúp làm thủ tục đi xuất khẩu lao động. Thấy vậy, chị L1 đã liên hệ với L nhờ làm giúp thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Ngày 29/7/2022, Liên thông b cho chị L1 biết vào cuối tháng 8/2022 có đơn hàng bay gấp sang Đài Loan, ngày 15/8/2022 đăng ký visa, L nói với chị L1 muốn đi thì chuẩn bị số tiền 145.000.000đ nộp cho L trong ngày 29/7/2022. Chị L1 đồng ý nên các ngày: 29/7/2022 chuyển 50.000.000đ; Ngày 01/8/2022 chuyển 95.000.000đ vào số tài khoản 0978 023 757 mở tại ngân hàng cổ phần Q theo yêu cầu của L, Trong ngày 01/8/2022 L cũng yêu cầu chị L1 chuyển thêm cho Liên 1.500.000đ để làm giấy tư pháp. Tổng số tiền mà chị L1 đã chuyển cho L là 146.500.000đ (*một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, nhiều lần chị L1 gọi điện thoại cho L không được nên đã đến Công ty TNHH H5 hỏi và không thấy có tên mình trong đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và được biết L chỉ là công tác viên, không có liên quan đến Công ty TNHH H5. Biết là bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị L1 nói cho chị Đinh Thị D1 biết và đã cùng chị D1 đến Công an phường C, quận N, thành phố Hà Nội trình báo. Ngày 11/11/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Hà Nội chuyển nguồn tin về tội phạm cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N theo thẩm quyền.

7. Chị Hà Thị N2, sinh năm 1998 và anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đầu tháng 7/2022, chị Hà Thị N2 và anh Đỗ Văn Đại liên l với Đinh Thị L qua mạng xã hội Z (tài khoản là “T”), Facebook (tài khoản là Đinh L) và số điện thoại 0968 600 211, 0978 023 757 đề nghị Liên giúp cho vợ chồng chị N2 được đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. L nói với vợ chồng chị N2 là chi phí để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động cho vợ chồng chị N2 là 200.000.000đ. L cung cấp số tài khoản mở tại ngân hàng T6 có số 1903 4744 454 010 của L cho vợ chồng chị N2 để chuyển tiền cho L, L hứa hẹn đến ngày 15/8/2022 thì sẽ làm visa cho vợ chồng chị N2. Từ ngày 17/7/2022 đến ngày 27/7/2022, vợ chồng chị nhưng, anh Đ đã có 7 lần chuyển vào số tài khoản của L tổng số tiền 199.000.000đ. Đến ngày 13/8/2022 vợ chồng chị N2 biết được thông tin có nhiều người bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thấy không liên lạc được vào các số điện thoại, Z và Facebook của L nên đã tìm L nhưng không được, biết là mình đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

8. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1998, trú tại: K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên ngày 01/4/2022 chị Trần Thị H1, đã cùng chị gái là Trần Thị H2 (sinh năm 1994, trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An), liên hệ với L để đặt vấn đề nhờ L giúp cho đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị H1 đã chuyển 2.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L để đặt cọc. Sau đó L hẹn chị H1 ngày 19/5/2022 đến toà nhà Nhật An G, số B, ngõ F, đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội để L đưa đi khám sức khoẻ và phỏng vấn. Đến ngày 23/5/2022, Liên thông báo cho chị H1 biết là đã trúng tuyển và yêu cầu chị H1 đặt cọc cho L số tiền tương đương với 1000 USD là 23.000.000đ. Chị H1 đã chuyển 23.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L. Ngày 26/6/2022, L nói với chị H1 là để được làm việc tại Đ khi tới Đài Loan thì phải nộp thêm 25.000.000đ. Chị H1 đã chuyển tiếp 25.000.000đ vào tài khoản ngân hàng trên cho L. Ngày 02/7/2022, L yêu cầu chị H1 nộp 50.000.000đ để cấp thị thực. Chị H1 đã chuyển 50.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của L theo yêu cầu. Ngày 03/7/2022, L lại yêu cầu chị H1 chuyển 21.600.000đ cho L để hoàn tất thủ tục, chị H1 đã chuyển 21.600.000đ vào tài khoản ngân hàng của L. Sau khi nhận được tiền, L hẹn chị H1 ngày 13/7/2022, đến Hà Nội để làm thị thực, nhưng khi đến ngày hẹn thì L báo hoãn nên chị H1 nói L trả lại tiền, khi nào có lịch làm thị thực thì sẽ chuyển tiền cho L. L đã chuyển trả lại cho chị H1 100.000.000đ. Ngày 16/7/2022, L báo cho chị H1 biết là ngày 25/7/2022 có lịch làm thị thực và yêu cầu chị H1 chuyển tiền cho L, chị H1 đã chuyển 100.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của L. Tổng số tiền chị H1 đã chuyển cho L là 121.600.000đ. Đến hẹn thì L lại báo cho chị H1 biết là hoãn lịch làm thị thực. Chị H1 đã đòi lại tiền thì L hứa sẽ làm được xin thêm thời gian để làm thủ tục cho chị H1. Ngày 03/8/2022, chị H1 cùng chị gái là Trần Thị H2 đến Hà Nội gặp L đòi lại tiền nhưng L hứa đến ngày 20/8/2022, chị H1 không xuất cảnh sang Đài Loan được thì sẽ trả lại tiền và đã viết giấy biên nhận tiền cho chị H1. Đến ngày 12/8/2022, chị H1 không liên lạc được với L do đã xoá hết tài khoản Zalo, Facebook, số điện thoại, biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

9. Trần Thị H2, sinh năm 1994, trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên ngày 01/4/2022 Trần Thị H2, đã cùng em gái là Trần Thị H1, liên hệ với L để đặt vấn đề, chị H2 đã chuyển 2.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L để đặt cọc. Sau đó L hẹn chị H2 ngày 19/5/2022 đến toà nhà Nhật An G, số B, ngõ F, đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội để L đưa đi khám sức khoẻ và phỏng vấn. Đến ngày 23/5/2022, Liên thông báo cho chị H2 biết là đã trúng tuyển và yêu cầu chị H2 đặt cọc cho L số tiền tương đương với 1000 USD là 23.000.000đ. Chị H2 đã chuyển 23.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L theo yêu cầu.

Ngày 26/6/2022 L nói với chị H2 là để được làm việc tại Đ khi tới Đài Loan thì phải nộp thêm 25.000.000đ. Chị H2 đồng ý và đã chuyển 22.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L theo yêu cầu. Ngày 02/7/2022, L yêu cầu chị H2 nộp 50.000.000đ để cấp thị thực. Chị H2 đã chuyển 53.000.000đ (số tiền 3 triệu còn thiếu của ngày 26/6/2022) vào tài khoản ngân hàng cho L. Ngày 03/7/2022, L lại yêu cầu chị H2 chuyển 21.600.000đ cho L để hoàn tất thủ tục, chị H2 đã chuyển 21.600.000đ vào tài khoản ngân hàng của L. Sau khi nhận được tiền, L hẹn chị H2 ngày 13/7/2022 đến Hà Nội để làm thị thực, nhưng khi đến ngày hẹn thì L báo hoãn nên chị H2 nói L trả lại tiền, khi nào có lịch làm thị thực thì sẽ chuyển tiền cho L. Ngày 14/7/2022 L đã chuyển trả lại cho chị H2 100.000.000đ. Ngày 16/7/2022, L báo cho chị H2 biết là ngày 25/7/2022 có lịch làm thị thực và yêu cầu chị H2 chuyển tiền cho L, chị H2 đã chuyển 100.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của L. Sau đó H2 được L đưa vào ký túc xá của Công ty TNHH H5 để ở và để chờ học tiếng Trung Quốc. Sau đó vài ngày thì L nói chị H2 gọi điện cho công ty H6 (địa chỉ tại C, H, phường P, quận B, thành phố Hà Nội) để hỏi việc học tiếng Trung Quốc nhưng công ty H6 cho biết là khoá học đã kết thúc. L nói với chị H2 là hiện tại có người đã học xong và chưa có đủ tiền nộp, nếu chị H2 muốn đi nhanh thì nộp thay vào đó 121.600.000đ, sau đó 5 ngày thì L sẽ rút số tiền đó ra trả lại cho chị H2. Chị H2 đồng ý nên ngày 20/7/2022 đã chuyển 121.600.000đ vào tài khoản ngân hàng của L. Đến ngày 25/7/2022, thì L lại báo cho chị H2 biết là hoãn lịch làm thị thực. Chị H2 đã đòi lại tiền thì L hứa sẽ làm được xin thêm thời gian để làm thủ tục cho chị H2. Ngày 03/8/2022 chị H2 cùng em gái là Trần Thị H1 đến thành phố Hà Nội gặp L đòi lại tiền nhưng L hứa đến ngày 20/8/2022 mà hai chị em chị H2 không xuất cảnh sang Đài Loan được thì sẽ trả lại tiền và L đã viết giấy biên nhận tiền cho chị H1. Tổng số tiền L chiếm đoạt của chị H2 là 243.200.000đ. Đến ngày 12/8/2022 chị H2 không liên lạc được với L do đã xoá hết tài khoản Zalo, Facebook, số điện thoại, biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

10. Chị Đinh Thị D1, sinh năm 2000, trú tại: thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên ngày 05/7/2022 chị Đinh Thị D1, vào mạng xã hội tìm hiểu. L đã chủ động liên hệ với chị D1 và giới thiệu là trưởng phòng tuyển dụng lao động của công ty N4 địa chỉ số B, ngõ F, đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội, L cho chị D1 xem một số đơn hàng đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Chị D1 chọn đơn hàng đi lao động tại công ty S tại Đ, Đài Loan. L nói chi phí để được đi xuất khẩu lao động là 6.200 USD tương đương với 142.000.000 VNĐ. Chị D1 đồng ý và gửi thông tin cá nhân cho L để đăng ký. Ngày 11/7/2022, L gọi điện thoại thông báo cho chị D1 là đã trúng tuyển đơn hàng

và yêu cầu chị D1 đặt cọc số tiền là 25.000.000đ. Do chị D1 chưa học tiếng Trung Quốc nên L nói chị D1 nộp thêm 2.500.000đ để học tiếng Trung Quốc (*thời gian học là 14 ngày*). Ngày 12/7/2022, chị D1 đã hai lần chuyển tiền cho L đủ số tiền là 27.500.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L. Ngày 13/7/2022, L gọi điện cho chị D1 yêu cầu nộp thêm 25.000.000đ với lý do là bên Đài Loan thông báo có công nhân bỏ trốn ra ngoài nên phải đóng tiền đặt cọc chống bỏ trốn, chị D1 đã chuyển 25.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L. L gọi điện thoại nói chị D1 là ngày 18/7/2022 có mặt tại trụ sở công ty N4 để học tiếng Trung Quốc. Đến hẹn, chị D1 đã đến Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc Công ty TNHH H5 có địa chỉ tại tòa nhà N, số B, ngõ F, đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. L đón chị D1 và đưa đi nhận phòng ký túc xá trong công ty. Ngày 19/7/2022, L gọi điện thoại nói chị D1 nộp 50.000.000đ để ngày 01/8/2022 là có visa. Chị D1 đã chuyển số tiền mà L yêu cầu vào tài khoản ngân hàng T6 số 1903 4744 454 010 của L. Ngày 22/7/2022 L lại yêu cầu chị D1 nộp hết số tiền còn lại là 42.000.000đ và hẹn ngày 02/8/2022 sẽ ký hợp đồng. Chị D1 đã chuyển số tiền 42.000.000đ vào tài khoản ngân hàng T6 của L. Đến ngày hẹn nhưng không thấy được ký hợp đồng nên chị D1 đã gọi điện thoại cho L thì không liên lạc được. Chị D1 biết là đã bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an phường C, quận N, thành phố Hà Nội trình báo. Ngày 11/11/2022 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Hà Nội chuyển nguồn tin về tội phạm cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N theo thẩm quyền.

Do L đã nộp 2.500.00đ giúp chị D1 để học tiếng Trung Quốc nên chị D1 c yêu cầu L phải trả lại số tiền bị L chiếm đoạt là 142.000.000đ (*một trăm bốn mươi hai triệu đồng*).

11. Chị Ngô Thị L2, sinh năm 1982, trú tại: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Do có nhu cầu cho con trai là Hoàng Quang H4 (sinh năm 2004, trú tại: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, khoảng tháng 8/2022 chị Ngô Thị L2 (là mẹ đẻ của Hoàng Quang H4) đã tìm hiểu thông tin và liên hệ với Đinh Thị L nhờ giúp làm thủ tục cho con trai đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. L nói số tiền phải nộp để làm thủ tục là 140.000.000đ và cung cấp số tài khoản 0978 023 757 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Q mang tên Đinh Thị L và hứa hẹn đến tháng 9/2022 thì sẽ làm xong thủ tục để cho anh H4 được xuất cảnh. Ngày 28/7/2022 chị L2 đã chuyển 140.000.000đ vào tài khoản do L cung cấp. Ngày 13/8/2022, mẹ con chị L2 phát hiện bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Nam Định trình báo.

Tại cơ quan điều tra, Đinh Thị L khai nhận, bản thân đang bị thua lỗ do chơi chứng khoán nên đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động. Do đó, khi nhận được tiền của 13 bị hại, L đã không nộp về công ty cũng như không làm thủ tục cho người lao động đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 1.723.300.000đ để đầu tư vào chứng khoán và đã bị thua lỗ hết.

Sau khi tiếp nhận đơn của người bị hại, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N xác định người bị hại bị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nhiều địa phương khác nhau. Cơ quan điều tra (PC01) – Công an tỉnh N đã tiếp nhận, thụ lý tin báo tố giác về tội phạm từ các cơ quan điều tra công an huyện H, tỉnh Nam Định; huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và cơ quan CSĐT Công an thành phố H để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định, sau khi nhận được tiền qua tài khoản ngân hàng do các bị hại chuyển thì L đã chuyển tiền cho những người không quen biết trên mạng internet để mua mã cổ phiếu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã yêu cầu ngân hàng TMCP Q và ngân hàng TMCP K1 cung cấp sao kê tài khoản của Đinh Thị L và xác định có nhiều giao dịch chuyển tiền của L đến các chủ tài khoản ở Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Kon Tum, tỉnh Thanh Hóa, Tỉnh Nghệ An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N uỷ thác điều tra cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh trên, nơi các chủ tài khoản đăng ký thường trú, kết quả xác định các chủ tài khoản vắng mặt tại địa phương, không rõ nơi ở hoặc chỉ là người đứng tên nhưng không sử dụng tài khoản.

*Cáo trạng số 112/CT-VKS-P3 ngày 02-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đinh Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Bị cáo Đinh Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo xác định tại thời điểm năm 2022 do bị cáo làm ăn thua lỗ, nên bị cáo đã lấy danh nghĩa là cộng tác viên của Công ty TNHH H5 thuộc tập đoàn N3, có chức năng tuyển dụng đưa người đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, bị cáo đã đăng thông tin lên mạng xã hội Zalo, làm cho những người bị hại tin tưởng, đã liên lạc với bị cáo nhờ làm thủ tục đưa bị hại đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, khi người bị hại chuyển tiền cho bị cáo qua tài khoản ngân hàng, bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền của bị hại để chi tiêu sử dụng mục đích cá nhân, bị cáo không thực hiện thoả thuận làm thủ tục đưa bị hại đi lao động tại Đài Loan. Bị cáo xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại đúng như nội dung cáo trạng, bị

cáo cũng xác định VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội, không oan.

+ Những người bị hại có mặt tại phiên toà và những người đại diện theo uỷ quyền của bị hại tham gia tố tụng tại phiên toà đều xác nhận hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thị L đúng như nội dung cáo trạng, xác định số tiền mà những người bị hại đã bị chiếm đoạt cũng đúng như nội dung cáo trạng đã mô tả; đều có quan điểm đề nghị bị cáo L phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại và đề nghị HĐXX xử bị cáo L nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1 Điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Liên t 13 năm tù đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Thị L phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Sau khi đại diện VKSND luận tội, trong phần tranh luận đối đáp:

- Bị cáo Đinh Thị L, các bị hại đều nhất trí tội danh, điều luật mà VKSND tỉnh Nam Định đã luận tội.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo L, nhất trí về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà VKSND tỉnh đã nêu trong luận tội; đề nghị HĐXX xem xét bị cáo L không có tiền án tiền sự, nguyên nhân phạm tội do đầu tư chứng khoán thua lỗ, nuôi 03 con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn quần bách nên đã phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, để ấn định cho bị cáo L mức hình phạt ở mức thấp để bị cáo có cơ hội cải tạo lao động có điều kiện bồi thường cho người bị hại.

- Trong lời nói sau cùng, bị cáo Đinh Thị L đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người bị hại, người làm chứng; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Do làm ăn kinh doanh bị thua lỗ, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của nhiều người để chi tiêu cá nhân, nên Đinh Thị L lợi dụng danh nghĩa là cộng tác viên của Văn phòng tư vấn và tiếp nhận hồ sơ hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động và du học trực thuộc công ty TNHH H5 thuộc tập đoàn N3 (có địa chỉ tại số B ngõ F đường N - phường C - quận N - TP Hà Nội), L đã đăng thông tin tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan trên mạng xã hội Zalo, đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn là mình có khả năng làm thủ tục đưa người dân đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, làm cho nhiều người tin tưởng chuyển tiền cho L. Sau khi nhận được tiền của những người đăng ký tuyển chọn đi lao động ở nước ngoài, L đã sử dụng số tiền đó chi tiêu cá nhân và không thực hiện cam kết đưa người lao động đi sang Đài Loan làm việc. Cụ thể từ khoảng tháng 4/2022 đến tháng 8/2022, L đã thực hiện hành vi gian dối lừa đảo thu tiền của 13 bị hại trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, chiếm đoạt tổng số tiền 1.723.300.000đ (một tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Hành vi của Đinh Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do tổng số tiền Đinh Thị L đã chiếm đoạt của các bị hại là trên 500 triệu đồng, nên bị cáo Đinh Thị L phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi hám lời mà bị cáo đã lợi dụng vào sự cả tin, mất cảnh giác của người bị hại, dùng thủ đoạn gian dối lấy tiền của bị hại để chiếm đoạt cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, tạo nên dư luận bất bình trong cộng đồng dân cư. Vì vậy hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Khi lượng hình, xét thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Thị L phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của bản thân, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51

BLHS.

Khi lượng hình, nhận thấy nhân thân bị cáo Đinh Thị L không có tiền án tiền sự, đây là lần đầu tiên bị cáo vi phạm pháp luật, có 01 tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 BLHS, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, tuy nhiên số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là rất lớn và đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo vẫn chưa có ý thức khắc phục bồi thường cho các bị hại, vì vậy cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt trong khung đã truy tố; Như vậy mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Đinh Thị L phải thi hành trách nhiệm bồi thường số tiền lớn cho các bị hại và hiện đang nuôi con nhỏ, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo Đinh Thị L đã chiếm đoạt của bị hại thì phải bồi thường trả lại cho bị hại, cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị Mỹ A số tiền 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng);
- Anh Phạm Quang T2 số tiền 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).
- Anh Hồ Văn D và vợ Đồng Thị T3 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Chị Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Anh Nguyễn Kim N1 số tiền 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng);
- Chị Đặng Thị L1 số tiền 146.500.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng);
- Chị Hà Thị N2 và chồng là anh Đỗ Văn Đại s tiền 199.000.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu đồng),
- Chị Trần Thị H1 số tiền 121.600.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng);
- Chị Trần Thị H2 số tiền 243. 200.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng);
- Chị Đinh Thị D1 số tiền 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng);
- Chị Ngô Thị L2 số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng);

[6] Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 BLHS;

Buộc bị cáo Đinh Thị L phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị Mỹ A số tiền 143.000.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu đồng);

- Anh Phạm Quang T2 số tiền 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

- Anh Hồ Văn D và vợ Đồng Thị T3 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Chị Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

- Anh Nguyễn Kim N1 số tiền 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng);

- Chị Đặng Thị L1 số tiền 146.500.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

- Chị Hà Thị N2 và chồng là anh Đỗ Văn Đại s tiền 199.000.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu đồng),

- Chị Trần Thị H1 số tiền 121.600.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng);

- Chị Trần Thị H2 số tiền 243. 200.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng);

- Chị Đinh Thị D1 số tiền 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng);

- Chị Ngô Thị L2 số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến

khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí:

Bị cáo Đinh Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 63.699.000 đồng án phí dân sự giá ngạch.

Báo bị cáo, các bị hại có mặt, đều được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Trại giam Đại An
- Bị cáo; người tham gia tt
- UBND xã, phường
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương